

Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa
Tập 8
Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyên ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh
Thời gian: 1998
Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội _ Singapore

Mời mở kinh ra, Địa Tạng Kinh Khoa Chú, luận quán trang thứ bảy, bắt đầu xem từ hàng thứ năm từ dưới lên, chúng ta xem đoạn lớn thứ hai của huyền nghĩa.

“Đệ nhị, biện bất tư nghị, tánh thức vi thể giả”. Ngũ trùng huyền nghĩa của Thiên thai tông, đoạn này giải thích đề kinh, đoạn thứ hai là biện thể, nói như hiện nay, chính là phân biệt y cứ của luận lý. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì đại chúng giảng kinh thuyết pháp, ngài y cứ điều gì để nói. Nếu ngài y cứ luận lý là chân thật, những gì ngài nói đáng để chúng ta tin theo, nếu lý luận này không xác định, đương nhiên gây sự hoài nghi cho chúng ta. Đoạn này rất quan trọng.

Phật pháp quan trọng nhất là “tín”, kiến lập tín tâm thực tế mà nói đều ở đoạn này, nếu ta hiểu được y cứ của ngài là chân thật. Như trong tất cả kinh điển, triển khai kinh quyển câu đầu tiên là “như thị ngã văn”. Chư vị cổ đức giải thích đoạn kinh văn này, hai chữ “như thị” là tín thành tựu, biện thể tức là dạy chúng ta hiểu nghĩa chữ “như”.

Tất cả kinh điển đại thừa đều lấy thật tướng làm thể, kinh này thuộc về kinh điển đại thừa. Đại sư Thanh Liên không dùng hai chữ thật tướng này, mà dùng “tánh thức bất tư nghị làm thể”, tánh thức bất tư nghị là biệt danh của thật tướng. Vì sao ngài dùng mấy chữ này? Bên dưới ngài nói rõ có ba ý. Thứ nhất là “bằng chuẩn kinh luận”, bằng là dựa vào, y theo, chuẩn là tiêu chuẩn, lấy tiêu chuẩn của kinh luận làm y cứ. Ý thứ hai là “mê ngộ căn nguyên”. Ý thứ ba là “Bồ Tát bốn thức”, Bồ Tát là chuyên chỉ cho Bồ Tát Địa Tạng. Bên dưới ngài phân thành ba đoạn, nói tường tận cho chúng ta.

Nói đoạn thứ nhất trước “bằng chuẩn kinh luận”. “Bốn kinh văn, nhất thiết chúng sanh, vị giải thoát giả, tánh thức vô định, vi thiện vi ác, trược cảnh nhi sanh”. Đưa ra đề là kinh văn của kinh này, trong câu này “tánh thức vô định”, vì thế ngài dùng tánh thức làm thể. Đặc biệt chú trọng là không có giải thoát, không có giải thoát có lục đạo chúng sanh. Lục đạo chúng sanh bên trong có tập khí phiền não, bên ngoài có sự mê hoặc của ngũ dục lục trần, khởi tâm động niệm có thiện ác đan xen. Cho nên thánh nhân thể xuất thế gian thí giáo hóa rất quan trọng, nếu không giáo hóa tốt, đúng là ác nhiều thiện ít. Mặc dù có phước đức lớn, thường tạo ác nghiệp càng lớn. Sự thật nhân quả này, sau khi ta biết rồi cảm thấy rất sợ hãi.

Nhân gian làm đế vương, tướng soái, những người có phước đức lớn này, phước đức của họ tích lũy không phải một đời một kiếp. Phước đức tích lũy từ nhiều đời nhiều kiếp, trong đời này hưởng phước báo lớn như vậy. Nếu trong đời này, không tiếp thu nền giáo dục tốt đẹp, phát triển theo tập khí phiền não, họ tạo tội nghiệp cực kỳ nặng. Có thể nói họ hưởng hết phước báo trong thời gian rất ngắn, sau đó ác báo hiện tiền đổ vào ba đường ác.

Điều này ví như thế gian chúng ta, một người suốt đời cần kiệm, bớt ăn bớt dùng dành dụm được một số của cải, một số tài sản rất khả quan. Đến trung niên trở về sau phát đạt hơn, của cải rất nhiều, ăn chơi cờ bạc không thiếu món nào, thời gian một hai năm xài hết những gì cả đời tích góp. Sau khi dùng hết, thế gian không có ai giúp mình, cũng không ai tôn trọng mình, trở thành người ăn xin nghèo khổ, ví như tình trạng này.

Trong tất cả kinh luận, Đức Phật thường nhắc nhở chúng ta, cảnh giác chúng ta, phải tu phước đừng hưởng. Hưởng phước không ai không tạo tội nghiệp, mà chắc chắn tạo nghiệp còn nghiêm trọng hơn người khác, bất luận từ tâm lý hay từ hành vi đều rất nghiêm trọng. Những giáo huấn này của Phật, đều rất thiết thực, đều rất chuẩn xác, chúng ta phải lãnh hội tường tận, sau đó mới có thể phát tâm y giáo phụng hành. Đây là ý nghĩa trong đoạn kinh văn này.

“Hựu vân”, vẫn là trong kinh này nói: “Niệm Phật Bồ Tát danh tự, lịch lâm chung nhân nhĩ căn, hoặc văn tại bồn thức. Thử thức nãi đích chỉ đệ bát thức dã”. Ở đây lại nói đến “bồn thức”, đây là nói đến người lâm chung, bất luận trong đời họ hành thiện hay làm ác, khi lâm mạng chung có thể nghe được một danh hiệu Phật, một danh hiệu Bồ Tát đều có thể thoát khổ. Dù không thể hoàn toàn thoát ly, khổ báo của họ được giảm nhẹ, đây là đạo lý nhất định. Từ sự thật này chúng ta biết, công đức danh hiệu của Phật Bồ Tát không thể nghĩ bàn. Cho nên trong ngũ huyền, mỗi đoạn đại sư đều thêm vào câu “bất tư nghi”, điều này nói rất hay.

Bên dưới là dẫn chứng từ các kinh luận khác, như Tỳ Lô Tam Ma Địa Pháp, Kim Cang Đảnh, Liên Hoa Bộ Tâm, trong này cũng có nói, đại sư dẫn chứng ở đây. “Thị tâm vi hà vật, phiền não tập chủng tử, thiện ác giai do tâm, tâm vi a lại da”. Đây là nói với chúng ta về “tâm ý thức” một cách rất rõ ràng, trong phần tựa ở trước đại sư từng nói. Cảnh giới giác ngộ chúng ta tạm thời không bàn đến, chỉ nói đến chúng sanh mê hoặc điên đảo, vì thế ngài dùng “tánh thức bất tư nghi làm thể”, ý là đây. Đối với lục đạo phạm phu mà nói thì vô cùng thiết thực.

“Tâm” là gì? Tâm là phiền não, tập khí, chủng tử. “Thiện ác đều do tâm”, khởi tâm động niệm một ý niệm thiện, một ý niệm ác đều là thức biến hiện ra. A lại da chứa đựng những tập khí này, tùy theo nhân duyên nó khởi hiện hành, tạo nghiệp thọ báo nó luôn là báo chủ. Trong Khởi Tín Luận có mấy câu như vậy: “Tâm sanh diệt giả, y Như Lai tạng cố, hữu sanh diệt tâm”. Thế nào gọi là Như Lai tạng? Tạng nghĩa là chứa đựng, Như Lai chứa đựng trong đó, cho nên gọi là Như Lai tạng. Như lai là chân tâm, là bồn tánh.

Bên dưới ngài giải thích: “Gọi là bất sanh bất diệt”, bất sanh bất diệt là Như Lai tạng. “Hòa hợp với sanh diệt”, sanh diệt là a lại da, tập khí chủng tử trong a lại da là pháp sanh diệt, bản thể của a lại da là pháp bất sanh bất diệt. Cho nên bất sanh bất diệt hòa hợp với sanh diệt, hòa thành nhất thể. “Không một không khác”, ta không thể nói nó là “một”, vì sao vậy? Vì một bên là pháp sanh diệt, một bên là pháp không sanh diệt. Ta cũng không thể nói là “khác”, cả hai thứ hòa lẫn vào nhau không phân rõ ràng. Như cổ nhân thường dùng ví dụ “nước hòa với sữa”, hợp lại với nhau. Nếu nói nó là một thì không đúng, nước là nước, sữa là sữa. Nếu nó là hai thứ cũng không được, nó đã hỗn hợp với nhau, đây gọi là a lại da thức.

Bên dưới nói: “Tắc vô minh pháp tánh, cộng trú vi nhân, bất kỳ nhiên hô”. Cảnh giới trong này rất vi tế, chúng ta phải lãnh hội tường tận. “Vô minh” ở trước gọi là pháp sanh diệt, pháp tánh là pháp không sanh diệt. Sanh diệt và không sanh diệt, nói cho chư vị biết, vĩnh viễn hòa hợp với nhau. Mọi lúc mọi nơi, dùng thuật ngữ nhà Phật gọi là “pháp nhĩ như thị”.

A lại da lớn bao nhiêu? Tận hư không biến pháp giới chính là một a lại da thức. Nếu a lại da không lớn như vậy, chư vị thử nghĩ xem hư không pháp giới từ đâu đến? Thập pháp giới y chánh trang nghiêm từ đâu đến? Sáu căn chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, từ đâu đến? Đều do a lại da biến hiện ra.

Mở đầu Kinh Lăng Nghiêm nói về bảy chỗ trung tâm, đại sư Giao Quang phân là “bảy lần phá xứ”. Cổ đức giải thích Lăng Nghiêm, Lăng Nghiêm có cách nói của hai

phái cổ kim. Cổ phái lấy Trường Thủy làm tượng trung. Kim phái lấy Giao Quang làm tượng trung. Giao Quang là người thời nhà Minh, Trường Thủy là người thời nhà Tống, cả hai ngài đều rất đáng nể. Trường Thủy lấy “tam chỉ tam quán” của Thiên thai tông, để giải thích “bảy chỗ trung tâm” trong Kinh Lăng Nghiêm. Nói đều rất có đạo lý, đều không thể nói có sai lầm. Đại sư Giao Quang chính là “bảy lần phá xứ”, vì sao vậy? Thực tế mà nói, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hỏi trọng điểm đó không phải hỏi về tâm, khi ngài hỏi cũng không hỏi chân tâm, vọng tâm, tâm ở đâu? Tôn giả A nan nói tâm ở trong thân thể, nói ra bảy chỗ đều bị Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trách mắng, tâm ở đâu? Bất luận là chân tâm hay vọng tâm đều biến pháp giới. Tôn giả A nan giả hồ đồ để đại diện cho chúng ta, không phải ngài không biết, tâm ở đâu? “Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, không phải đã trả lời rồi sao?

Đúng là ôm trọn cả hư không, cho nên có thể hiện vạn pháp, không có lúc nào nơi nào mà không tồn tại, sao ta có thể lìa tâm? Tâm là năng hiện, thức là sở biến, thức cũng là tâm, tâm chân vọng hòa hợp gọi là thức. Bất luận phần vọng, hay chỉ nói về phần chân, chúng ta gọi là tánh, ở đây nghĩa của tánh thức chính là như vậy. Nói thức là tâm chân vọng hòa hợp, nói tánh không nói bên vọng, chỉ nói phần bên chân, nhưng nó nhất định là chân vọng hòa hợp.

Phàm phu chúng ta không thể phân biệt, mê ở trong đó, quên mất đây là căn nguyên của tất cả pháp, quên mất, gọi là mê mất. Chư Phật Bồ Tát giác ngộ, giác ngộ là thấu triệt chân tướng sự thật này. Trong đoạn thứ hai nói về “căn nguyên mê ngộ”, cần phải biết chân tâm và vọng tâm vĩnh viễn hòa hợp với nhau. Chân tâm là bản tánh của chúng ta, ở đây nói tánh thức là bản tánh của chúng ta. Nếu dùng Nho giáo để nói, cũng có ý này. Nho gia nói đến tánh, Mạnh tử gọi là tánh thiện, Tuân tử gọi là tánh ác, tánh mà họ nói chính là thức tánh, chúng ta đảo ngược chữ tánh thức này lại, đó là thức tánh. Theo ý của Nho giáo gọi là tập tánh, không phải bản tánh, tánh mà Khổng phu tử nói là bản tánh. Phu tử nói: “Tánh tương cận, tập tương viễn”, nói không giống Mạnh tử và Tuân tử. Chúng ta gọi là tánh thiện tánh ác cũng được, nói tâm thiện tâm ác cũng được, tâm và tánh cùng một nghĩa. Có khi ý nghĩa khác nhau, có khi ý nghĩa giống nhau. Người đó tâm rất thiện, người đó tánh không tốt, tâm tánh này đều là tập tánh, thói quen thành tự nhiên đều thuộc về tập tánh, không phải bản tánh. Trong bản tánh không có thiện ác, trong tập tánh có thiện ác. Phiền não tập khí chúng tử từ vô lượng kiếp đến nay là tâm tánh, chư vị phải biết, trong bản tánh không có phiền não, không có tập khí, cũng không có chúng tử. Phàm phu chúng ta không phân biệt được, bị tập khí phiền não chúng tử mê hoặc, ở trong lục đạo chịu khổ chịu nạn. Chư Phật Bồ Tát giác ngộ thông đạt, tuy có tập khí phiền não chúng tử nhưng không bị chướng ngại, không trở ngại. Có những thứ này chẳng? Có, có nhưng không hề trở ngại, vì sao họ không trở ngại? Điều này chúng ta cần phải học tập, họ không bị tiêm nhiễm. Nói như hiện nay, không bị phiền não tập khí chúng tử mê hoặc, phàm phu chúng ta bị nó mê hoặc, bậc thánh không bị. Bên trong lìa phiền não tập khí chúng tử, trong đoạn phiền não, chúng ta gọi là đoạn phiền não. Ngoài không bị ngoại cảnh mê hoặc, bản lĩnh của Phật Bồ Tát là đây. Chúng ta muốn học Phật Bồ Tát là phải học từ đây. Làm sao để không ché phiền não của mình, ngoài không bị mê hoặc, chúng ta đi vào Bồ Tát đạo. Vấn đề này quả thật không đơn giản, vì sao vậy? Vì tập khí quá lâu ngày, huân tập từ vô lượng kiếp đến nay mà thành, hiện nay muốn lập tức xả bỏ nó, buông bỏ nó, đâu có dễ, vậy phải làm sao? Hiểu triệt để chân tướng sự thật này, giải quyết từ đây, cho nên chuyển phiền não thành bồ đề. Chúng ta biết phiền não chính là bồ đề, sanh tử chính là niết bàn. Hay nói cách khác, ta đoạn sanh tử, niết bàn sẽ không có. Ta đoạn phiền não, bồ đề cũng đoạn, vậy sanh tử phiền não cần đoạn chẳng?

Không cần đoạn, chuyển nó là được. Pháp đại thừa gọi đây là đoạn, thực tế không phải đoạn thật, họ chuyển nó. Sau khi chuyển phiền não không còn, nên gọi là phiền não đoạn, không phải đoạn thật. Khi đoạn thật, bồ đề cũng không có.

Chuyển như thế nào? Chuyển từ quan niệm, đều trong một niệm. Nếu không hiểu rõ chân tướng sự thật thì không thể chuyển được, thấu triệt chân tướng sự thật tự nhiên có phương pháp. Phương pháp của người niệm Phật, một câu Phật hiệu là chuyển, một câu A Di Đà Phật tâm khai ý giải, liền chuyển đổi nó.

Bên dưới đưa ra một ví dụ, pháp sư Chân Đế, người thời nhà Đường, ngài dịch thành “vô một thức”. Đây đều là tam tạng pháp sư dịch kinh, ngài dịch a lại da thức thành “vô một thức”. “Vô một” ý nghĩa rất nổi bật, nó vĩnh viễn không mất đi, chỉ có chuyển biến mà không mất đi. Cho nên Đức Phật mới nói “tất cả pháp từ tâm tướng sanh”, tâm tướng chính là chuyển biến. Thập pháp giới y chánh trang nghiêm đều là tâm tướng sanh, nếu ta có thể nghĩ đến Phật vậy là ta đã làm Phật, nghĩ đến Bồ Tát thì làm Bồ Tát, nghĩ đến tham sân si liền đọa vào trong tam đồ. Nghĩ cái gì hiện ra cái đó, nghĩ điều gì biến ra điều đó. Trong đời của bất cứ ai, tao ngộ của đời đời kiếp kiếp không liên quan đến người khác, nói thật thì tự làm tự chịu, chỉ xem cách nghĩ của mình như thế nào. Tất cả thiện ác, thị phi, thật giả không có tiêu chuẩn. Trong kinh điển Đức Phật đặt ra tiêu chuẩn, là tạm thời y theo phạm phu mà đặt, không phải tiêu chuẩn thật, không phải tiêu chuẩn vĩnh hằng bất biến. Tạm thời là do nhân, do thời, do địa, tạm thời đặt tiêu chuẩn cho chúng ta, điều này chẳng phải rất giống pháp luật thế gian sao. Quý vị xem có nhiều pháp luật hai ba năm phải sửa đổi, có một số pháp luật đặt ra hai ba tháng phải sửa đổi. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, không có tiêu chuẩn nhất định. Vì sao không có tiêu chuẩn nhất định? Vì “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, hư vọng làm gì có tiêu chuẩn? Những nguyên lý cơ bản này, chúng ta phải thấu triệt.

Bên dưới nói: “Trang sư tự nghĩa”, pháp sư Chân Đế dùng tên dịch thành “vô một thức”, đại sư Huyền Trang là dịch ý, dịch thành “tàng thức”. Nghĩa là gì? Nghĩa là “hàm chứa chủng tử các pháp”. Trong này có ba nghĩa, do đại sư Huyền Trang dịch, là năng tàng, sở tàng, chấp tàng, đây là chấp trước. A lại da có ba ý này, dịch nó thành “tàng thức”. “Tạng thức” chúng ta thường gọi là tâm, trong khái niệm của chúng ta có tâm, tâm ở đâu không biết, tâm là gì cũng không biết.

Nhà triết học phương tây nói: “tôi suy tư tức là tôi hiện hữu”, họ lấy gì làm chính mình? Tôi có thể tưởng tượng đến nó, nó là tôi. Điều này khá cao minh, biết thân thể không phải tôi, tôi có thể tư duy, có thể tưởng tượng, đại khái điều này là tôi. Thông minh hơn người bình thường, nhưng thứ có thể tưởng tượng ở đâu? Nếu họ phải tìm, vậy là giống với tôn giả A nan, không tìm thấy. Rốt cuộc nó là gì? Cũng không thấu triệt. Những nhà triết học, nhà khoa học này, đến nay vẫn chưa có kết luận, rất nhiều học thuyết chưa đưa ra kết luận. Kết luận ở trong Phật pháp.

“Tông Kính vân”, trong Tông Kính Lục nói, đây là biên tập trước tác của đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ. Đại sư Vĩnh Minh cũng thật đáng nể, sau này chúng ta biết ngài là Phật A Di Đà tái sanh. Ngài biên tập cuốn sách này, trong nhà Phật mệnh danh là Tiểu Tạng Kinh. Vì Đại Tạng Kinh phân lượng quá lớn, không dễ đọc tụng, ngài lựa chọn những tinh hoa trong Đại Tạng Kinh, đồng nghĩa nói thu nhỏ Đại Tạng Kinh, phân loại nó ra. Đem những câu trong kinh luận đưa vào một chỗ, biên thành cương yếu của Đại Tạng Kinh, tinh hoa của Đại Tạng Kinh, gọi là Tông Kính Lục.

Trong này, phần liên quan đến Pháp tướng, phân lượng của phần này ngài trích dẫn rất khả quan. Trong này ngài nói: “Đệ bát bốn thức, quảng đại vô biên, hiển tâm nguyên nhi vô ngại, bao táng tạng dĩ khôi thông, thiện trì trọng chi danh, tác tổng báo chi chủ,

kiến hữu tình chi thể, lập niết bàn chi nhân”. Dẫn chứng đến đây, đây là văn trong Tông Kính Lục, mấy câu này vô cùng quan trọng. Bất luận ta nói chân tâm hay vọng tâm, nói chân tánh hay vọng thức, chư vị nhất định phải biết, nó là bao hư không pháp giới. Trong Phật pháp thường nói, chư vị đều nghe rất quen: “Ngoài pháp không có tâm, ngoài tâm không có pháp”. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp đều do tâm tánh biến hiện ra, tâm tánh là năng biến, chư pháp là sở biến. Làm gì có pháp sở biến mà không có tâm năng biến? Vậy pháp đó từ đâu mà có?

Tận hư không biến pháp giới là gì? Chính là một tâm, một tánh, một thức. Nhà Duy Thức Học không thừa nhận có vạn pháp, chỉ thừa nhận thức, tận hư không biến pháp giới là một thức, cho nên gọi là “duy thức”. Họ nói chẳng phải không có đạo lý, rất có đạo lý. Hư không pháp giới sum la vạn tượng từ đâu mà có? Do thức biến.

Chúng ta dùng một ví dụ để nói mọi người dễ hiểu, chẳng hạn ta đến tiệm vàng mua trang sức. Ở Singapore chúng ta cũng thường thấy người Hoa mở tiệm vàng, nghe nói người Indonesia, người Malaysia cũng đều có mở tiệm vàng. Chúng ta đến tiệm vàng xem, sản phẩm vàng có mấy trăm loại, mấy ngàn loại. Đây là ví dụ sum la vạn tượng, quan sát tường tận thì sao? Chỉ có một thứ, đó là vàng, ý của nhà duy thức là đây. Sâm la vạn tượng, nguồn gốc của nó chỉ có một thức. Tiệm vàng dù nhiều đến đâu, ngàn loại, trăm loại chỉ có một thứ là vàng, ngoài vàng ra không có gì cả. Nhà duy thức học nói, tận hư không biến pháp giới ngoài thức ra, không có gì cả, nói thức chính là tâm chân vọng hòa hợp.

Tác dụng của nó là “làm chủ tổng báo”, tổng báo là tất cả chúng sanh, hữu tình chúng sanh, vô tình chúng sanh, trí chánh giác chúng sanh, nó là tổng thể, cho nên là “chủ tổng báo”. Làm Phật là nó, làm Bồ Tát cũng là nó, làm nạ quỷ hay đọa địa ngục vẫn là nó. “Kiến lập thể của hữu tình”, thể hữu tình, người bây giờ gọi là gì? Nguồn gốc của sanh mạng, sanh mạng từ đâu mà có? Từ nó sanh ra. “Lập nhân của niết bàn”, đây là nói siêu việt thế gian, thành Phật, thành Phật cũng là nó, lìa nó cũng không được.

“Căn cứ lập thể này, các pháp hàm thu”, đây là kết luận sau cùng của đại sư Thanh Liên, vì sao dùng nó làm thể của kinh? Ngài đã nói ra, lấy tánh thức bất tư nghì làm thể, tất cả các pháp đều bao hàm trong đó. Không những là pháp đại thừa, pháp tiểu thừa cũng bao hàm trong đó. Không những Phật pháp, tất cả pháp thế gian cũng không thể vượt ra ngoài nó. Cách nói này của ngài, rõ ràng hơn cách nói khác là lấy thật tướng làm thể. Có gì khác cách nói của cổ đức chẳng? Không sai biệt, ngài nói cũng là thật tướng, thật tướng là chân tướng sự thật, cho nên lấy nó làm thể. Hay!

Khi chúng ta hiểu thật sự có thể tiếp thu, nghĩ đến Phật giảng kinh thuyết pháp, lý luận y cứ viên mãn như thế, cứu cánh như thế. Nếu như ta không tin lời Phật dạy, còn hoài nghi, lỗi lầm này do mình, bản thân ta không có nhận thức về Đức Phật, không hiểu rõ Phật pháp. Thật sự có nhận thức về Đức Phật, thấu hiểu Phật pháp, làm gì có chuyện không tin? Tín tâm kiến lập từ đây.

Đoạn thứ hai nói cang tường tận, nói về “căn nguyên mê ngộ”. Bên dưới nói tiếp: “ngôn mê ngộ căn nguyên giả, Khởi Tín vân”, đây là trong Đại Thừa Khởi Tín Luận nói. “Thử y a lê da thức, thuyết hữu vô minh bất giác, nhi khởi năng kiến năng hiện. Năng thủ cảnh giới, cố danh thử thức vi sở tri y, năng dữ nhiễm tịnh sở tri chư pháp vi y chỉ cố”. Khai thị quan trọng trong những kinh luận này, đều là giáo nghĩa cơ bản của Phật pháp đại thừa. Nếu chúng ta có thể thấu triệt, có thể lãnh hội sự tu học, lý giải của giáo lý đại thừa, sẽ có lợi ích rất lớn. Thực tế mà nói, không những chúng ta phải hiểu, mà quan trọng hơn là phải lãnh hội được, bản thân mới thật sự được thọ dụng. Nếu chư vị thật sự lãnh hội được, ta không còn có tâm lượng nhỏ. Khởi tâm động niệm, những gì ta

nghĩ đến, suy nghĩ đến, chấp trước đến, phạm vi rất nhỏ bé, sai. Vì sao bảo ta khởi tâm động niệm, phải nghĩ cho tận hư không biến pháp giới? Đây chính là chúng ta chuyển biến, một sự thay đổi, chúng ta phải tương ứng với tánh thức, tương ứng như thế nào? Khởi tâm động niệm nghĩ cho hư không pháp giới là tương ứng. Khởi tâm động niệm nghĩ đến bản thân, nghĩ đến gia đình mình, đạo tràng của mình, đoàn thể của mình, khu vực của mình, quốc gia mình, không tương ứng. Ta đang mê, chưa giác ngộ, không hề biết hư không pháp giới là nhất thể. Giống như một cây đại thọ vậy, ta nghĩ đến là một cành, một nhánh, không phải toàn thể, cành này đối lập cành kia. Như chúng ta đưa ra bàn tay năm ngón, ta chỉ nghĩ đến phạm vi của ngón tay này, như vậy là ta đối lập với nó, hai ngón xảy ra xung đột. Nếu ta nghĩ sâu sắc hơn một chút, năm ngón này là một nhà. Sâu sắc hơn nữa, năm ngón bên này cũng là một nhà, như vậy mới đạt được viên mãn.

Vì sao thế gian này xảy ra xung đột? Chính là một bàn tay, một người là một ngón tay, đánh qua đánh lại, đánh đến long trời lở đất, đánh đến đầu rơi máu chảy, không biết là nhất thể, quý vị nói có oan uổng chăng?

Pháp tánh là gì? A lại da là gì? Biến thành hiện tượng chính là tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh là pháp tánh, pháp tánh là bản tánh của ta. Minh tâm kiến tánh, thấy gì? Thấy tất cả chúng sanh đều là chính mình, như vậy là đã kiến tánh, ta minh tâm kiến tánh. Như một gốc cây ta thấy được rễ, sau khi thấy rễ biết toàn thể gốc cây là nhất thể, đây gọi là kiến tánh. Tận hư không biến pháp giới là chính mình, sau đó trí tuệ khai phát, tuyệt đối không được tổn thương bất kỳ ai. Chúng sanh tạo nghiệp sâu nặng đọa địa ngục a tỳ, ta đều yêu thương họ, tuyệt đối không tính toán so đo lỗi lầm của họ. Vì sao vậy? Vì họ với mình là nhất thể. Ý này rất sâu sắc, ở sau sẽ nói đến.

Mấy câu trong Khởi Tín Luận nói cũng rất hay. “Y a lê da thức”, a lê da thông thường gọi là a lại da. “Nói có vô minh bất giác”, vô minh bất giác là vọng, vọng kiến. Trong đại kinh nói “nhất niệm bất giác mà có vô minh”. Nhất niệm là giác, nhất niệm là chân tâm, nhất niệm là tự tánh, trong phần tựa, câu thứ nhất nói “nhất niệm tự tánh”. Trong nhất niệm này thêm vào một niệm, vậy là sai, đó chính là vô minh. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “tri kiến lập tri, thị vô minh bản”, đây là Phú Lô Na thỉnh giáo Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, vô minh từ đâu mà có? Vì sao vô minh đến? Vì sao có vô minh? Đức Phật trả lời tôn giả như thế, trả lời quá hay, hoàn toàn nói ra chân tướng sự thật.

Tri kiến chính là nhất niệm, trong nhất niệm lại khởi một niệm, chính là vô minh. Lập tri nghĩa là ta khởi thêm một ý niệm, đây là vô minh. Nhất niệm là gì? Nhất niệm là vô niệm, vô niệm gọi là nhất niệm.

Chẳng hạn như mắt chúng ta, chúng ta lấy ví dụ này, Kinh Lăng Nghiêm đưa ra ví dụ rất hay. Chúng ta mở mắt ra, thấy cảnh giới tướng bên ngoài rất rõ ràng, đây là nhất niệm, gọi là chánh niệm, gọi là Phật tri Phật kiến, là ta tánh thấy thấy. Thấy bên ngoài là gì? Sắc tánh. Nhưng ta khởi lên một ý niệm “tôi đã nhìn thấy”, vậy là hồng, lại kiến lập một tri kiến, đây chính là gốc vô minh. Từ vô minh này tiếp tục phát triển, vọng tưởng phân biệt chấp trước ngày càng nhiều, điều này quá phiền phức.

Vì sao Chư Phật Bồ tát có năng lực giải thoát trói buộc cho tất cả chúng sanh, họ có bản lãnh gì? Vì họ giữ được nhất niệm, họ không rơi vào niệm thứ hai, bản lãnh của họ là đây. Họ luôn thấy chúng ta một cách rất rõ ràng, chúng ta thấy họ không rõ ràng. Bản lãnh của các ngài là luôn giữ được nhất niệm, không rơi vào niệm thứ hai, quý vị phải biết nghĩa là không rơi vào vô minh. Đây là chỗ lợi hại, chỗ cao minh, là trí tuệ bát nhã vốn đầy đủ trong tự tánh hiện tiền.

Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, vĩnh viễn giữ được niệm thứ nhất, nhất niệm này là tự tánh, nhất niệm này là chân tâm, trong nhất niệm này không mang theo vọng, đây là nhân thật sự của niết bàn. Nếu từ trong nhất niệm, sanh khởi thêm niệm thứ hai, đây chính là “tri kiến lập tri”, Thế Tôn nói đây là “vô minh bồn”, cảnh giới bên ngoài liền sanh biến hóa. Tất cả tướng phần, tướng phần không phải thật, là hư vọng, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Tướng hư vọng này, đang chuyển biến theo phân biệt vọng tưởng chấp trước của mình, biến ra vô lượng vô biên pháp giới. Mười pháp giới là cương lĩnh, vô lượng vô biên không dễ nói, quy nạp vô lượng vô biên pháp giới thành mười loại lớn, nói với chúng ta mười pháp giới, mỗi pháp giới đều là vô lượng vô biên.

Trong kinh, những câu văn này, những đạo lý này, chúng ta phải quan sát tường tận, lãnh hội tường tận, có thể thực hành trong cuộc sống của mình thì thọ dụng vô cùng. Đúng như trong Phật pháp nói “phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui”, hiệu quả này rất nhanh chóng, đúng như câu “dụng sào thấy bóng”, lập tức được lợi ích. Cho nên họ “năng kiến năng hiện”, năng là hồng, liền rơi vào ý thứ hai. “Năng thủ cảnh giới”, càng tệ hại, càng mê càng sâu, thủ là chấp trước. “Năng kiến năng hiện” là phân biệt, “năng thủ” là chấp trước, “bất giác” là vọng tưởng, vọng tưởng phân biệt chấp trước, phiền phức rất lớn. Đức Phật gọi thức này là “sở tri y”, sở tri là sở tri chướng, sở tri chướng nương vào đâu sanh khởi? Nương vào đây mà khởi.

“Năng dữ nhiễm tịnh, sở tri chư pháp, vi y chỉ cố”. Hàng trung hạ căn học Phật, nói cách khác, trước khi kiến tánh, ta học Phật cũng nương tựa vào đây. Sau khi kiến tánh, có lìa nó chăng? Không lìa nó. Nếu lìa nó, bản thân ta không được thọ dụng, cũng không thể tha thọ dụng. Cho thấy sau khi ngộ, sau khi thành Phật, tự thọ dụng và tha thọ dụng vẫn là nó, nhưng lúc đó tự thọ dụng, tha thọ dụng rõ ràng minh bạch. Bây giờ chúng ta không biết, mê muội trong đó. Trong đoạn văn này, đại sư Thanh Liên trích dẫn kinh điển, nội dung khá phong phú.

“Hựu danh chủng tử thức”, đây cũng là trong Khởi Tín Luận nói, vì sao gọi nó là chủng tử? “Năng biến trú tri, thế xuất thế gian, chư pháp chủng tử”. Đây đều nói về tánh năng của thức, tính chất của nó, công năng của nó. “Biến” là chu biến, trụ tri pháp thế gian và chủng tử tất cả pháp xuất thế gian. Chủng tử gặp duyên nó liền khởi hiện hành, có thể biến hiện ra y chánh trang nghiêm của pháp thế xuất thế gian. Pháp xuất thế gian biến hiện là điều gì? Nhất chân pháp giới. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói về thế giới Hoa Tạng của Phật Tỳ Lô Giá Na, trong kinh luận Tịnh độ nói về thế giới tây phương Cực Lạc, cõi báo của tất cả Chư Phật cũng là nó biến hiện. Trong pháp thế gian nói về mười pháp giới, mười pháp giới đều là pháp thế gian. Y chánh trang nghiêm vẫn là nó biến hiện.

Cách nói này tương đồng với ý trong Kinh Duy Ma, trong Kinh Duy Ma nói: “Tù gốc vô trụ, lập tất cả pháp”. Họ nói đến “gốc vô trụ” chính là a lại da thức, từ đây kiến lập tất cả pháp thế xuất thế gian, đây là nói đến chủng tử. Chủng tử là gì? Điều này rất khó nói. Chủng tử là ví dụ, như thực vật, thực vật có thể trưởng thành, nhân tố quan trọng nhất chính là chủng tử. Chủng tử là thân nhân duyên, có đất đai, phân bón, ánh sáng, nước, nó liền sanh trưởng. Những thứ này gọi là trợ duyên, thuộc về sở duyên duyên, tăng thượng duyên, vô gián duyên. Đây đủ ba loại duyên này, chủng tử liền khởi hiện hành. Chủng tử dùng để ví dụ cho điều này. Chủng tử này không có hình tướng, sáu căn đều không tiếp xúc được, ý căn tưởng tượng cũng không tưởng tượng được. Nhưng nó có, nó tồn tại. A lại da, chư vị nên biết rằng, a lại da là tận hư không biến pháp giới, đừng nghĩ a lại da ở trong tâm chúng ta, trong tế bào não của chúng ta, nghĩ như vậy là sai hoàn toàn, còn ngốc hơn cả A nan. A lại da là tận hư không biến pháp giới, cho nên muôn

hình muôn vẻ của tận hư không biến pháp giới, toàn là chúng tử khởi hiện hành. Khởi hiện hành như thế nào? Nó đầy đủ ba loại duyên. Đây là tâm thức của chúng ta, bất luận là chân tâm hay vọng tâm, quá lớn, cho nên nó kiến lập tất cả pháp thế xuất thế gian.

Vì sao nói nó là “vô trụ”? Vô trụ chính là căn bản, là hư không, nó không phải chân thật. Vọng không có gốc, chân có gốc, vọng khởi từ chân. Nếu vọng cũng có gốc, vậy không gọi là vọng, không gọi là hư vọng, nhưng nó có. Giống như cái bóng vậy, cái bóng nương vào đâu khởi lên? Nương vào thân người chúng ta, thân người đứng dưới ánh sáng, chiếu chiếc bóng xuống đất. Vô minh ví như chiếc bóng của con người vậy, cho nên nó nhất định là nương vào chân, nó không nương vào chân thì đâu ra? Nó không khởi lên. Nơi nó nương là tánh, cho nên tánh thức liên kết với nhau.

Chư Phật Bồ Tát rất thông minh, họ nhận chân nhân không nhận bóng. Chúng sanh mười pháp giới sai lầm, nhận chiếc bóng là chân nhân, quên mất chân nhân, cho chiếc bóng là thật, chúng ta mê là mê ở đây. Người ta ngộ, là ngộ gì? Chúng ta mê là mê ở đâu? Người ngộ đối với thân và ảnh, rõ ràng minh bạch, người không chướng ngại ảnh, ảnh không chướng ngại người, pháp giới vô chướng ngại. Chân không chướng ngại vọng, vọng không chướng ngại chân. Tánh không chướng ngại tướng, tướng không chướng ngại tánh. Vì thế hư không pháp giới, lý sự tánh tướng không có gì không viên dung, đây mới thật sự hoàn mỹ đến tột cùng.

Cảnh giới viên mãn tốt đẹp như thế, bị những người mê hoặc điên đảo phá hoại. Họ phá hoại là tự thọ dụng của họ, có liên lụy đến người khác chăng? Họ có thể liên lụy đến, là người mê cộng nghiệp chiêu cảm giống như họ. Nếu người giác ngộ, hoặc người nghiệp lực không tương đồng với họ, không bị ảnh hưởng. Đây đều là chân tướng sự thật.

Bên dưới đại sư Kinh Khê có giải thích rằng: “Vô minh làm gốc của tất cả pháp”, lời bên dưới nói rất hay: “Vô minh tức pháp tánh, vô minh tức phục, dĩ pháp tánh vi bản, đương tri chư pháp, diệc dĩ pháp tánh vi bản. Pháp tánh tức vô minh, pháp tánh phục dĩ vô minh vi bản, pháp tánh tức vô minh, pháp tánh vô trú xứ. Vô minh tức pháp tánh, vô minh vô trú xứ, vô minh pháp tánh, tuy giai vô trú. Nhi dĩ nhất thiết chư pháp tác bản, thị tác vô trú vô tướng, sự lý đẳng thường”, đẳng là bình đẳng. “Lập nhất thiết pháp ngộ mê sai biệt”.

Đoạn này nói rất hay, giải thích rất hay, chúng ta phải đọc nhiều, phải đọc thường xuyên. Không lãnh hội được ý nghĩa không sao, thường đọc, đây chính là Tông môn nói về nghi tình. Có câu: “tiểu nghi tiểu ngộ, đại nghi đại ngộ”, thường duy trì được nghi tình này. Gọi là nghi tình, là chỉ có nghi không thể giải thích, vì sao vậy? Vừa nghĩ đến giải thích, liền bị rơi vào trong ý thức, tuyệt đối không được dùng tư duy, dùng tưởng tượng.

Vì sao thế gian có rất nhiều nhà Phật học, họ hoàn toàn dựa vào tư duy tưởng tượng của mình, để nghĩ về ý nghĩa trong kinh điển của Phật, như vậy ý sẽ sai, hiểu sai lệch nghĩa chân thật của Như Lai. Nhà Phật dạy ta lìa tâm ý thức tham, tham học không phải gọi là nghiên cứu học tập. Tham không dùng tâm ý thức, nghiên là dùng tâm ý thức. Thế gian là nghiên cứu, họ dùng tâm ý thức. Tâm ý thức là gì? Thức là phân biệt, thức thứ sáu phân biệt. Mạt na là chấp trước, ý là chấp trước. A lại da rơi rớt chúng tử, ngày nay chúng ta gọi là để lại ấn tượng. Không dùng tâm ý thức, tức không dùng tâm phân biệt, không dùng tâm chấp trước, không rơi ấn tượng, đây gọi là tham học. Tông môn phải dùng công phu này, giáo môn cũng phải dùng công phu này, người niệm Phật cũng không ngoại lệ. Nếu người niệm Phật lìa tâm ý thức, họ là thực tướng niệm Phật.

Chúng ta niệm Phật có rất nhiều phương pháp, quy nạp lại có bốn loại niệm Phật. Thật tướng niệm Phật, quán tưởng niệm Phật, quán tượng niệm Phật, trì danh niệm Phật. Ta có thể lia tâm ý thức, tức là thật tướng niệm Phật, bất luận là trì danh, quán tượng hay quán tượng, đều gọi là thật tướng niệm Phật. Nếu không thể lia tâm ý thức, vẫn là dùng tâm ý thức, dùng vọng tưởng phân biệt chấp trước niệm Phật. Đó chính là ba loại dưới, quán tượng, quán tượng, trì danh. Nhưng điều này nói ra thì dễ, làm mới thật khó. Vào cảnh giới này cần có công phu, công phu này là phải duy trì nghi tình thời gian dài, như vậy sẽ có ngày đại triệt đại ngộ. Duyên triệt ngộ mỗi người không giống nhau, không tương đồng. Có người khai ngộ từ việc xem kinh, có người nhờ niệm Phật khai ngộ, có người tham thiền khai ngộ, thậm chí có người nghe hát mà khai ngộ, không nhất định là cơ duyên gì. Vì sao họ khai ngộ? Chính là vì nghi tình của họ ngưng tụ đạt đến cực điểm, không nhất định là cơ duyên gì, vừa tiếp xúc liền đột phá. Sau khi đột phá cảnh giới này hiện tiền, cũng chính là trước đây ngày ngày đọc, ngày ngày xem không hiểu, đột nhiên hiểu rõ. Một khi đã hiểu thì tất cả đều thấu triệt, tất cả sự lý tánh tướng khắp tận hư không biến pháp giới, không có gì không thấu triệt. Tuyệt đối không phải chỉ hiểu mấy câu này, không phải, một ngộ tất cả ngộ. Điều này làm nghi tình trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, là một đoạn rất hay.

“Vô minh tức pháp tánh”, thực tế mà nói vô minh và pháp tánh hỗn hợp với nhau, đây gọi là a lại da thức, cho nên chân vọng hòa hợp. Vô minh vẫn là vô minh, pháp tánh vẫn là pháp tánh. Vô minh không phải pháp tánh, pháp tánh không phải vô minh. Nước là nước, sữa là sữa, bây giờ hỗn hợp với nhau, hỗn hợp với nhau thì sao? Sữa chính là nước, nước tức là sữa. Chỉ có cách nói này, cách nói này không nói sai, nó đích thực hỗn hợp với nhau. Đây là đứng trên mê vị mà nói, không phải từ ngộ vị, cách nói này là chân tướng sự thật, chính là thật tướng các pháp.

Bên dưới giải thích: “Vô minh tức lấy pháp tánh làm gốc”, vô minh từ đâu mà có? Từ pháp tánh sanh. Mê mất pháp tánh mới gọi là vô minh, pháp tánh không có mê ngộ. “Nên biết các pháp, lấy pháp tánh làm gốc”, y chánh trang nghiêm thể xuất thể gian khắp tận hư không biến pháp giới, toàn là pháp tánh biến hiện ra. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói: “Duy tâm sở hiện”, tâm này là pháp tánh, là tánh, tức ở đây gọi là pháp tánh. “Duy thức sở biến”, thức ở đây gọi là vô minh. Pháp tánh và vô minh hòa hợp với nhau, phạm vi của nó tận hư không biến pháp giới, là lớn vô hạn. Pháp tánh là chân tâm của ta, vô minh là vọng tâm của ta, chân vọng hòa hợp gọi là a lại da.

Chư vị phải biết đây toàn là những danh tướng, danh tướng là giả, không phải thật, “danh khả danh, phi thường danh”. Nhưng không dùng những danh tướng này, chúng ta không thể câu thông. Nhưng khi câu thông, ta phải biết danh tướng là công cụ, muốn đạt đến mục đích không thể không dùng những công cụ này, nhưng dùng công cụ này phải biết xả bỏ nó, vậy là đạt đến mục đích. Nếu ta không xả bỏ, không thể đạt được.

Ví như chúng ta qua sông phải dùng thuyền, thuyền là công cụ để ta đến bên bờ kia, ta ngồi trên thuyền đến bờ bên kia vẫn không chịu xuống thuyền, ta vĩnh viễn không lên được bờ bên kia. Đây là điều Đức Phật nói: “Pháp còn phải bỏ, huống gì phi pháp”. Khi ta dùng công cụ này, khi ta dùng công cụ này là phải xả bỏ công cụ này, xả điều gì? Tâm không nhiễm trước. Về sự tôi dùng nó, trong tâm tuyệt đối không chấp trước, lia vọng tưởng phân biệt chấp trước tức là xả. Cho nên lia tức là đồng thời, không phải phân khai, giống như tánh thức là hòa hợp vậy. Lìa tướng tức tướng cũng là đồng thời, tức tướng là sự, lìa tướng là lý. Về sự tức tướng, về lý lìa tướng. Về tướng tức tướng, về tánh lìa tướng, như vậy là đúng, đó là cảnh giới Phật Bồ Tát. Phật Bồ Tát khác với chúng ta chính là ở chỗ này.

Đây là nổi rõ, thứ nhất nói rõ vô minh vương vào pháp tánh, vô minh làm gốc cho tất cả pháp, làm gốc cho tất cả pháp trong mười pháp giới. Ngài nói những lời này, y cứ chủ yếu là “nên biết các pháp, cũng lấy pháp tánh làm gốc”, đây là câu quan trọng nhất mà ngài muốn nói, chúng ta mới biết tất cả pháp chính là pháp tánh. “Pháp tánh tức vô minh, pháp tánh lại lấy vô minh làm gốc”. Pháp tánh và vô minh dung hòa, hợp lại một chỗ, như nước hòa với sữa. Lúc này, chúng ta có thể nói, pháp tánh biến thành vô minh. Thật ra không phải pháp tánh biến thành vô minh, là pháp tánh và vô minh hòa hợp với nhau. Hòa hợp với nhau, nếu nói vô minh là pháp tánh cũng được, nói pháp tánh là vô minh cũng không sao, giống như nước hòa với sữa vậy. Khi nước hòa với sữa, ta nói nó là sữa cũng được, nói nó là nước cũng được, nó dung hòa thành nhất thể.

“Pháp tánh lại lấy vô minh làm gốc”, câu này nói như thế nào? Phải từ trong vô minh thấy được pháp tánh. Đây là nói nếu chúng sanh muốn giác ngộ, dùng phương pháp gì giác ngộ? Ngộ pháp tánh trong vô minh. Nước hòa với sữa, sữa ví như pháp tánh, nước ví như vô minh, ta vẫn còn ở đây phát hiện thành phần của sữa. Người tu hành chúng ta, không thể lìa vô minh, không thể lìa vô minh, phải ở trong vô minh đột phá vô minh.

Tu hành, lục đạo, mười pháp giới đều phải lấy vô minh làm gốc. Trong tứ thánh pháp giới càng rõ ràng, Thanh văn, duyên giác, Bồ Tát, Phật. Khi nào đột phá? Đột phá tức là nhất chân pháp giới, đây là nói về nghĩa “làm gốc”. “Pháp tánh tức vô minh, pháp tánh không có chỗ trú”, vô minh cũng không có chỗ trú. Trong Kinh Kim Cang dạy chúng ta: “Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”.

“Vô minh tức pháp tánh, vô minh vô trụ xứ, vô minh pháp tánh, tuy giai vô trú, nhi dữ nhất thiết chư pháp tác bản”. Tất cả các pháp đều từ đây sanh ra, biến hiện ra. “Tức là vô trụ vô tướng, sự lý đẳng thường”, đẳng là bình đẳng. Kinh Kim Cang dạy rằng: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, đây là nói về vô tướng. Dạy chúng ta: “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”.

Chúng sanh trong mười pháp giới, vì sao không thể đột phá vô minh? Chính là vì có trụ, trụ là gì? Nói một cách thô tục như chúng ta hiện nay, là tâm ta không buông bỏ được, trong tâm có vướng bận, sự vướng bận đó là trụ, bất luận vướng bận điều gì đó gọi là có trụ. Từ bỏ pháp thế gian, không còn nghĩ đến nó, không còn để trong lòng, để Phật pháp trong lòng vẫn là có trụ. Thôi được, Phật pháp tôi cũng không cần, có trụ chăng? Vẫn là có trụ, trụ ở đâu? Pháp gì cũng đều không cần, họ trụ vào trong pháp gì cũng đều không cần, vẫn là có trụ. Điều này rất khó, có không trụ, họ trụ không.

Trong Kinh Lăng Nghiêm nói về lục kết, lục kết là gì? Là trụ, điều đó là phạm phu chúng ta không nói được, ta không thể không phục trí tuệ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, sự khéo léo trong dạy học của ngài. Ngài phân từ thô đến tế thành sáu đẳng cấp, thứ nhất là “động”, động thái, điều này tất cả chúng sanh rất rõ ràng. Chúng ta trụ, đều trụ trong trạng thái động, ngày nay gọi là hoạt động. Tất cả cuộc sống của chúng ta, có thể nói từ sanh ra cho đến già chết, trong tất cả sanh mạng này đều đang hoạt động, đây là loại thứ nhất.

Thứ hai, người tu hành có công phu, xả bỏ trạng thái động, tâm địa thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh, họ xả bỏ cái động, tâm thanh tịnh. Đối với vấn đề mạnh khỏe mà nói, đối với đạo dưỡng sanh mà nói, người thế gian biết vận động tốt cho sức khỏe, họ không biết tịnh cao minh hơn động, điều này người thế gian bình thường không hiểu, người luyện võ hiểu. Võ nghệ cao cường từ đâu đến? Từ trong tịnh. Trong Phật pháp thật sự tu hành, ngày ngày tu thiền định, không vận động, thân thể họ mạnh khỏe, người vận động bình thường không thể sánh với họ, vậy mới biết tịnh cao siêu hơn động. Thân tâm thanh tịnh,

không nhiễm chút bụi trần, nó vẫn là cửa ải, khi nào đến “tịnh” cũng xả bỏ luôn, tiếp tục đột phá. Bên dưới là giác, giác vẫn là một cửa ải, sau khi đột phá giác, chỉ còn lại “căn”. Căn cũng không được chấp trước nó, chấp trước đó là chấp trước vô cùng vi tế, không phải rất thô. Căn phải bỏ, sau khi bỏ là “không”. Không cũng không được chấp trước, tiếp tục đột phá không, là “diệt”, diệt là cửa ải sau cùng, vi tế nhất. Diệt là gì? Chư vị có hiểu chăng? Trong Phật pháp gọi là niết bàn. Nếu có ý niệm niết bàn, như vậy tuyệt đối không thể nhập niết bàn. Phật pháp nói đến cao nhất, chư Phật Như Lai chứng được tịch diệt nhãn. Ta có ý niệm tịch diệt nhãn này, tuyệt đối không đạt được tịch diệt nhãn. Cần phải xả bỏ ý niệm này, vậy mới thật sự đạt được.

Đây là từ thô đến tế, đến vi tế, lục kết. Trong Kinh Lăng Nghiêm gọi là lục kết, chúng ta có thể gọi nó là sáu tầng lớp. Ý Phật thuyết pháp, ta nhất định phải hiểu rõ, phải hiểu, vậy mới lãnh hội được trong Kinh Kim Cang nói: pháp còn phải xả, huống gì phi pháp”? Pháp là Phật pháp, Phật pháp là nói bờ đề, niết bàn đều phải xả. Có chăng? Có. Nhưng ta chấp trước có bờ đề, chấp trước có niết bàn, ta không đạt được. Vì sao vậy? Vì miêng bình đến ngang đó là bị chặn lại, không cách nào đột phá.

Trong Khởi Tín Luận Bồ Tát Mã Minh dạy chúng ta: “Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự”. Bờ đề, niết bàn là giả danh, chẳng những không được chấp trước, mà phân biệt cũng không được. Như vậy mới thật sự đột phá, thật sự nhập vào cảnh giới bờ đề, niết bàn. Đây là điều vi diệu của Phật pháp. Phật thiện thuyết, bất khả tư nghì, bất khả thuyết, bất khả tư, Phật đều dạy cho chúng ta những phương pháp này. Những phương pháp này chính là “pháp tánh lấy vô minh làm gốc”. Chúng ta sống trong vô minh, thấu hiểu những chân tướng sự thật này, dần dần đột phá.

Hiểu được ý này, mới thật sự thấu triệt trong Kinh Kim Cang nói “vô trụ sanh tâm”. Sanh tâm nghĩa là kiến tánh, vô trụ là đột phá. Sau đó ta thấy được “sự lý đẳng thường”, vạn pháp bình đẳng, tánh thức thường trụ, tánh thức biến hiện ra vạn pháp, chẳng lẽ không phải thường trụ? Trong Kinh Pháp Hoa nói: “thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng bất diệt bất hoại”, chính là ý này.

Những cảnh giới hiện tượng này đều ở trước mắt chúng ta, ta không hề nhìn thấy, vì sao không nhìn thấy? Vì ngày ngày chúng ta dùng vọng tưởng phân biệt chấp trước, vì thế không thấy được những hiện tượng này, lìa vọng tưởng phân biệt chấp trước liền thấy được. Cho nên các pháp là bình đẳng, các pháp tuyệt đối không có cao thấp. Nói đến cực điểm như trong kinh thường nói: “sanh Phật bình đẳng”, sanh là chúng sanh, chúng sanh bao gồm hữu tình chúng sanh, vô tình chúng sanh. Không những hữu tình chúng sanh bình đẳng với chư Phật Như Lai, vô tình chúng sanh, như cây cỏ hoa lá, gạch ngói đều là chúng sanh. Phật cũng là chúng sanh, cũng là chúng duyên hòa hợp mà thành, sao họ không bình đẳng? Cho nên mới nói: “bình đẳng chân pháp giới, không Phật không chúng sanh”. Chúng ta lãnh hội tường tận những lời này trong kinh điển. Chúng ta làm sao để khế nhập, đây là nói rõ sự khác biệt giữa mê ngộ của tất cả pháp.

Bên dưới, tức trong Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo nói. “Cổ Chiêm Sát Kinh vân, đản tòng vô thi thế lai, dữ vô minh tâm cụ, si ám nhân duyên, huân tập lục cố, hiện vọng cảnh giới”. Đoạn này trong Chiêm Sát Kinh nói rõ về nguồn gốc của lục đạo, hiện tượng của lục đạo. Hiện tượng này là cảnh giới vọng, không phải cảnh giới thật. Nhà Phật nói đến chân vọng, định nghĩa của chân, vĩnh hằng bất biến là chân. Phàm những gì có biến hóa, đều là hư vọng. Pháp giới lục đạo, chư vị nên biết rằng, nó biến hóa trong từng sát na, sát na không trụ, Đức Phật nói: “như sương cũng như điện”, đây là cảnh giới hư vọng. Thập pháp giới, tứ thánh pháp giới cũng là cảnh giới hư vọng, cũng là “như sương cũng như điện”.

Ở đây nói rõ, ở trước là “tùng vô thi thể lai, dữ vô minh tâm câu”, đây là nói hiện tượng của chúng ta, mười pháp giới đều là hiện tượng này. Vô lượng kiếp đến nay, pháp tánh và vô minh của chúng ta hòa hợp với nhau, hai câu này hợp lại chính là a lại da thức. Nhưng chúng ta thật không may, là “do sức nhân duyên si ám huân tập”. Chúng ta không phải pháp tánh huân tập, là si ám huân tập. Quả thật câu nói này của Phật nói rất hay.

Vì sao lục đạo chúng sanh tạo nghiệp thọ báo? Vì ngu si, tam độc phiền não tham sân si, đây là si phiền não, đây là gốc. Tuy tham sân mãnh liệt nhưng dễ đoạn, si khó đoạn. Đoạn si phiền não, trong kinh luận có ví dụ, giống như vương vân không dứt, nói rõ thật không dễ đoạn. Tuy tham sân rất mãnh liệt, vẫn dễ đoạn. Người biết dụng công, người thật sự biết dùng công, tông môn giáo môn thường nói: “tu từ căn bản”, căn bản là gì? Căn bản chính là si, si chính là vô minh, hạ thủ từ đây vẫn còn kịp. Không hạ thủ từ tham sân, hạ thủ từ si, đây là tìm ra căn bản.

Chúng ta đọc tiếp đoạn văn: “đĩ y vọng cảnh giới”, vọng cảnh giới chính là cảnh giới lục đạo. “Huân tập nhân duyên cố”, đây là nói hàng phàm phu bị ảnh hưởng bởi cảnh giới bên ngoài, cũng chính là nói, ta bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc. Câu này nghĩa là nói nương vào cảnh giới vọng huân tập nhân duyên, nói như hiện nay, ta bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc. Ngũ dục lục trần mê hoặc, nó mê hoặc thì sao? “Khởi vọng tương ưng tâm”, vọng tương ưng tâm là tham sân si, liền sanh khởi thị phi nhân ngã, tham sân si mạn, xuất hiện những thứ này.

“Kế ngã ngã sở”, chấp trước tôi, chấp trước tôi sở hữu. “Tạo tập các nghiệp, thọ sanh tử khổ”, đây là trong lục đạo khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo, làm những điều này. “Thuyết bỉ pháp thân, danh vi chúng sanh”, hoàn toàn thay đổi, biến thanh tịnh pháp thân thành chúng sanh, câu này có hiểu chăng? Nếu không hiểu, ta từ trong cảnh giới mộng để nói, pháp thân thanh tịnh biến thành cảnh mộng. Pháp thân thanh tịnh chính là chân tâm của mình, chân tâm nằm mộng, tâm ở đâu? Toàn bộ cảnh giới chính là tâm, tâm có tướng. Khi không hiện tướng tâm ở đâu không biết, hiện nay tâm đã hiện tướng, trong Phật pháp thường nói: “toàn vọng tức chân, toàn chân tức vọng”. Chân là gì? Là pháp tánh. Vọng là gì? Là pháp tướng. Pháp tánh biến thành pháp tướng, toàn thể pháp tướng chính là pháp tánh, toàn thể pháp tánh tức là pháp tướng, tánh tướng không hai. Vì thế pháp thân, pháp thân chính là pháp tánh, pháp thân là gì? Pháp thân là chúng sanh, hy vọng mọi người hãy nhớ kỹ câu này. Chúng sanh là gì? Tất cả pháp tướng tận hư không biến pháp giới là pháp thân của chúng ta, chính là pháp tánh. Khi nào ta thật sự khẳng định, đột nhiên giác ngộ, tất cả chúng sanh tướng tận hư không biến pháp giới toàn là chính mình. Xin chúc mừng, quý vị đã thành Phật, đã chứng được pháp thân thanh tịnh. Chỉ cần chứng được pháp thân, thân thể hiện tại chính là báo thân Phật. Đối với bản thân ta mà nói là báo thân Phật. Đối với giáo hóa tất cả chúng sanh mà nói ta là ứng thân Phật. Ba thân là một, một tức là ba, ba tức là một. Lúc này, tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm đại từ bi của mình đều hiển lộ. Ta cứu hộ tất cả chúng sanh, quan tâm tất cả chúng sanh, yêu thương tất cả chúng sanh, giúp tất cả chúng sanh, còn có phân biệt chấp trước gì nữa? Thì ra tất cả chúng sanh là chính mình, mình là tất cả chúng sanh, ai biết được chân tướng sự thật này? Người khế nhập biết, người chứng ngộ biết. Người chưa chứng ngộ, nói với họ, họ nói ta điên, thần kinh không bình thường, sao đến người và mình đều không có năng lực phân biệt chứ? Chẳng những không phục, họ còn chà đạp nữa là khác. Ở đây Phật nói lời chân thật, cảnh giới này quả thật không phải cảnh giới phàm phu. Nếu phàm phu nhập vào cảnh giới này, họ đều thành Phật, đâu thể gọi

họ là phàm phu. Đây là nói: “pháp thân gọi là chúng sanh”, câu này rất quan trọng, chúng ta tu hành chứng quả như thế nào để nhập vào cảnh giới này?

Bên dưới nói: “Nhược như thị chúng sanh trung, pháp thân huân tập, nhi hữu lực giả”. Đây là nói pháp thân lấy vô minh làm gốc, pháp thân huân tập như thế nào mà có lực? Ta xoay chuyển ý niệm đó, tất cả chúng sanh là chính mình, đây tức là pháp thân huân tập.

Phật Bồ Tát dạy chúng ta, niệm niệm nghĩ cho tất cả chúng sanh. Trong tất cả pháp sự, thậm chí đọc kinh, niệm Phật, sau cùng chúng ta làm hồi hướng, hồi hướng là gì? Hồi hướng nghĩa là dùng pháp thân huân tập. “Nguyện đem công đức này, trang nghiêm cõi nước Phật”. Cõi nước Phật là cõi nước của tất cả Chư Phật. Công đức tôi tu tích được, tu tích cho ai? Vì trang nghiêm tất cả cõi nước Chư Phật, trang nghiêm tất cả cõi nước Chư Phật là trang nghiêm pháp thân. Chúng ta khởi tâm động niệm và tất cả những hành vi, vì lợi ích tất cả chúng sanh khắp tận hư không biến pháp giới, đây chính là pháp thân huân tập. Pháp thân huân tập sao có thể không chứng được pháp thân? Sao không thành Phật quả được? Vô minh huân tập thì rất tồi tệ, tuyệt đối không ra khỏi luân hồi lục đạo, pháp thân huân tập nhất định siêu việt mười pháp giới. Ta mới biết chuyển ý niệm này quan trọng biết bao, chuyển ý niệm này liền siêu phàm nhập thánh. Tuy siêu phàm nhập thánh, bản thân tiếp xúc với chúng sanh nhất định là tư thế thấp, nhất định là khiêm tốn hạ mình, vì sao vậy? Như vậy mới tương ưng. Nếu tư thái cao, là tương ưng với phiền não. Chư vị phải biết, khiêm tốn hạ mình là tương ưng với pháp thân, pháp thân có thể hiện ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, đây là hạ mình đến cực độ. Pháp thân thanh tịnh, pháp thân bình đẳng, hơi có một chút tâm cao thấp là không bình đẳng. Khiêm tốn, chẳng những có thể duy trì công đức của mình không mất, mà còn thành tựu vô lượng vô biên công đức, thành tựu như thế nào? Khiêm tốn là làm cho tất cả chúng sanh xem, là khuyên họ buông bỏ tâm kiêu mạn, không phải dùng ngôn giáo, mà dùng thân giáo, thể hiện cho họ thấy. Quý vị cảm thấy kiêu ngạo, cảm thấy mình rất vĩ đại, được nhiều người xưng tán, ca tụng, đâu biết bằng người khiêm tốn càng vĩ đại hơn ta? Sự kiêu ngạo vĩ đại của mình, được người tán tụng là nhất thời. Như đại đế chiến lần thứ hai, Hitler rất vĩ đại, bao nhiêu người tán thán khâm phục ông, sau khi chết không ai không mắng chửi ông, ông ta vĩ đại chỗ nào? Quý vị xem Gandhi của Ấn độ, suốt đời khiêm tốn, hình như không có gì nổi trội, sau khi chết vẫn có người nhắc đến Gandhi, không ai không khâm phục, không ai không tán thán.

Như vậy mới biết, khiêm tốn thời gian người ta khen ngợi là vĩnh cửu, kiêu ngạo người ta khen ngợi rất ngắn ngủi, quả báo khác nhau. Nguyên nhân gì? Một người tương ưng với vô minh, tương ưng với hư vọng, như vậy làm sao lâu dài được? Một người tương ưng với pháp tánh, pháp tánh là thường trú không thay đổi, cho nên có thể lâu dài. Tương ưng với pháp tánh là chân tu, tương ưng với vô minh đó là tu học giả, không phải thật, chúng ta không thể không phân biệt rõ ràng điều này.

Bên dưới nói: “Pháp thân huân tập, nhi hữu lực giả, phiền não tiệt bạc, năng yếm thế gian, cầu niết bàn đạo”. “Yếm thế gian” không phải thật sự chán ghét thế gian này, không phải. Đối với thế gian này tâm tham ái rất nhạt, hay nói cách khác, đoạn thị phi nhân ngã, đoạn tham sân si mạn, đây gọi là chán bỏ thế gian. “Cầu đạo niết bàn” là cầu minh tâm kiến tánh. “Tín quy nhất quán”, biết “nhất” mới là chân thật, tâm này thường trú nơi nhất. Người niệm Phật gọi là “nhất tâm bất loạn”, thường trú nơi nhất tâm bất loạn, trong cảnh giới này, đây là chân thật.

“Tu lục ba la mật, đẳng nhất thiết bồ đề phần pháp”. Đây là đối đãi chúng sanh, họ biểu hiện trong cuộc sống khi xử sự đối nhân tiếp vật, lục độ vạn hạnh, người này gọi là

Bồ Tát. Tùy thuận pháp thân huân tu chính là Bồ Tát. Tùy thuận vô minh huân tu là lục đạo phàm phu. Ở đây văn tự đơn giản, lý và sự nói rất thấu triệt. Chúng sanh thành Bồ Tát như thế nào? Trong Bồ Tát, hiện nay chúng ta nói là Bồ Tát thật, Bồ Tát giả. Thế nào là Bồ Tát giả? Đi thọ Bồ Tát giới, mượn danh Bồ Tát, vẫn huân tu với vô minh phiền não, đó là Bồ Tát giả. Bồ Tát thật, chưa từng thọ Bồ Tát giới, thật sự hiểu đạo lý này, dùng pháp thân huân tu. Pháp thân huân tu, chư vị phải biết, khởi tâm động niệm đều vì phục vụ cho tất cả chúng sanh khắp hư không pháp giới, vì tất cả chúng sanh khắp hư không pháp giới mà sống, làm việc, phục vụ, đây chính là pháp thân huân tập, người này chính là Bồ Tát. Họ không có tôi, tôi chính là mười pháp giới, tôi chính là hư không, tôi chính là tất cả chúng sanh, không còn chấp trước thân này là tôi. Trên thực tế, thân cũng là chúng sanh, cũng là một phần của tôi. Bây giờ họ hiểu tôi là toàn thể, không phải một phần. Ví như toàn thân thể này là tôi, không chấp trước một ngón tay là tôi, một móng tay là tôi, không chấp trước như vậy.

Chúng ta hiện nay là phàm phu không biết toàn thể là tôi, chấp trước một phần cực nhỏ của toàn thể, cho rằng đó là tôi, chấp trước này là sai lầm. Tôi là toàn thể của hư không pháp giới, đây chính là pháp thân huân tập. Niệm niệm đều nghĩ như vậy, quán như vậy, lâu ngày, tập khí phiền não từ vô thủy kiếp của chúng ta giảm nhẹ dần. Quan niệm này dần tăng cường, sẽ khế nhập khi nào không hay, nhập vào cảnh giới này, trở thành Bồ Tát thật. Bồ Tát này gọi là pháp thân đại sĩ, không phải Bồ Tát trong mười pháp giới. Bồ Tát trong mười pháp giới đang dụng công, vẫn chưa đột phá, sau khi đột phá chính là pháp thân đại sĩ trong nhất chân pháp giới.

Thôi, hôm nay thời gian đã hết, chúng ta tạm dừng tại đây. Bên dưới nói tiếp Bồ Tát thành Phật như thế nào, lần sau chúng ta nói tiếp.

Hết tập 8